TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11-ĐÀ NẴNG** **--------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: 29/2026/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 29 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ các Điều 212, 396, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2021/UBTVQH14 ngày 30/12/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 25/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2026 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con chung* ", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc HNGĐ:

1. Ông Phan Thanh T, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn N, xã Đ, thành phố Đà Nẵng.

2. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1992; địa chỉ: thôn N, xã Đ, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Phan Thanh T và bà Phạm Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Đ, thành phố Đà Nẵng) ngày 14/12/2010 (Giấy CNKH số 165/2010, quyển số 01). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét thực trạng quan hệ hôn nhân vợ chồng thì thấy: Ông T và bà H chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn những là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, tình cảm không còn.

Nay ông T và bà H xét thấy hạnh phúc vợ chồng đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được nên thỏa thuận ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn giữa vợ chồng.

Xét sự thuận tình ly hôn giữa vợ chồng là tự nguyện, phù hợp với thực tế và không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[2] Về con chung: Ông T và bà H thống nhất khai nhận vợ chồng có có 02 con chung tên là Phan Thị Thanh T1, sinh ngày 23/01/2011 và Phan Gia H1,

sinh ngày 01/12/2016. Nay ly hôn ông T, bà H thống nhất giao 02 con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu T1 và H1 đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Ông T và bà H thỏa thuận ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phan Thị Thanh T1, sinh ngày 23/01/2011 mỗi tháng 1.500.000 đồng và cháu Phan Gia H1, sinh ngày 01/12/2016 mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi các cháu T1 và H1 đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Thời hạn cấp dưỡng: Tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Người không nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản. Khi có lý do chính đáng đôi bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Xét thỏa thuận giao nuôi con chung giữa vợ chồng là hợp pháp, phù hợp với thực tế nên công nhận.

[3] **Về tài sản chung:** Ông T và bà H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không can thiệp.

[4]. **Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm**: Ông T và bà H phải chịu là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận ý kiến thuận tình ly hôn ngày 21/01/2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phan Thanh T và Bà Phạm Thị H (Giấy CNKH số 165/2010, quyển số 01 ngày 14/12/2010), đăng ký tại UBND thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Đ, thành phố Đà Nẵng).

1.2. Về con chung: Sau ly hôn bà Phạm Thị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Phan Thị Thanh T1, sinh ngày 23/01/2011 và Phan Gia H1, sinh ngày 01/12/2016 cho đến khi các cháu T1 và H1 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phan Thị Thanh T1, sinh ngày 23/01/2011 mỗi tháng 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm ngàn đồng)* và cháu Phan Gia H1, sinh ngày 01/12/2016 mỗi tháng 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm ngàn đồng)* cho đến khi các cháu T1 và H1 đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Thời hạn cấp dưỡng: Tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Ông T và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Phạm Thị H và ông Phan Thanh T phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) ông T và bà H đã nộp theo biên lai thu số 0000726 ngày 21/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 11-Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Hùng